

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 6 - 2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Kim Bình

Bà Quách Thị Lê

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Không.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Xuân H; sinh năm: 1952; HKTT: Thôn X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Khu phố L, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị N1; sinh năm: 1958; HKTT: Thôn X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt ông H, bà N1. Ông H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà N1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Hồ Xuân H trình bày: Ông và bà Trịnh Thị N1 kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 13/11/1980 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay

ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà N1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hồ Thị B, sinh ngày 15/6/1987 và cháu Hồ Thị Hồng L1, sinh ngày 26/8/1989. Hiện các cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng. Ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ bà Trịnh Thị N1 để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng bà N1 không có mặt nên không có lời khai của bà N1 và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trịnh Thị N1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Ông Hồ Xuân H đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, bà N1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên hoà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt ông H, bà N1 theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N1 có đăng ký kết hôn ngày 13/11/1980 tại UBND xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá thực trạng về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn ông bà không tìm ra biện pháp khắc phục mà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Về phía bà N1 biết việc ông H làm đơn xin ly hôn và Toà án đã ra thông báo thụ lý vụ án, nhưng bà N1 không đến Toà án làm việc, không giao nộp văn bản nêu ý kiến, mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không đến tham gia phiên tòa. Điều này thể hiện bà N1 không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và có ý bỏ mặc. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà N1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông H và bà N1 có 02 con chung là cháu Hồ Thị B, sinh ngày 15/6/1987 và cháu Hồ Thị Hồng L1, sinh ngày 26/8/1989, hiện các con đã thành niên.

[4] Về tài sản: Ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, ông Hồ Xuân H được ly hôn bà Trịnh Thị N1.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Xuân H.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt ông H, bà N1. Ông H, bà N1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình

